TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11.6.2024
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh. Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 846/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024; Thông báo hoãn phiên tòa số 58/TB-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị Quỳnh T**, sinh năm:1988

Địa chỉ: CX (số mới Y), đường Nguyễn Trung T, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Bùi Sĩ Tr**, sinh năm: 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số M, đường Đặng Thái T, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: số M, đường Huỳnh Thúc K, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Quỳnh T trình bày: Chị và anh Bùi Sĩ Tr xây dựng gia đình vào năm 2013, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung

của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh Tr thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, cầm cố xe máy, vay mượn tiền của gia đình, họ hàng, bạn bè và lấy tài sản (vàng) của chị đi bán để phục vụ cho mục đích cá nhân, nhu cầu cờ bạc, mẹ chồng chị đã rất nhiều lần phải trả nợ thay cho anh Tr để không ảnh hưởng tới gia đình. Chính vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau và đôi lúc anh Tr còn có những hành động bạo lực, hăm dọa chị. Gia đình bố mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng chị vẫn không có được tiếng nói chung nên đã tự sống ly thân nhau từ tháng 03 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng với anh Tr không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Sĩ Tr.

- Về con chung: Chị và anh Tr có 01 con chung là Bùi Hoàng Bảo Tr1, sinh ngày 16/12/2013. Hiện nay đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Sĩ Tr trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Quỳnh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chơi bài, có nợ bên ngoài nhưng đã giải quyết xong. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung và có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Hoàng Bảo Tr1, sinh ngày 16/12/2013. Nếu chị Trang cương quyết ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị Trang phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr nữa nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Tr. Về con chung, chị Tr có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, chị Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T. Về con chung, giao con chung là Bùi Hoàng Bảo Tr1 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, anh Tr có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Sĩ Tr đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hôm nay và anh Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Sĩ Tr theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Hoàng Thị Quỳnh T và anh Bùi Sĩ Tr kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh Tr bài bạc, không lo làm ăn dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên toà, chị T xác định không còn tình cảm với anh T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Tr còn anh Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Tr không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình nhưng anh Tr cũng không có động thái nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn kéo dài nên cả hai vợ chồng đã tự sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh Tr được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung là Bùi Hoàng Bảo Tr1, sinh ngày 16/12/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Tr1 còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, cháu Tr1 đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Bùi Hoàng Bảo Tr1 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Xét thấy, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp với chi phí hợp lý cho việc nuôi dưỡng con chung hiện nay nên cần buộc anh Bùi Sĩ Tr phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị Quỳnh T, xử cho chị Hoàng Thị Quỳnh T và anh Bùi Sĩ Tr được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Hoàng Bảo Tr1, sinh ngày 16/12/2013 cho chị Hoàng Thị Quỳnh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Anh Bùi Sĩ Tr có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000088 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Sĩ Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND phường 4, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc